

Bản án số: **35/2025/DS – ST**

Ngày: 17/3/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tường

Bà Bùi Thị Duyên

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 432/2024/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST - DS ngày 28/02/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Liên Quế N, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 1 T, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; Địa chỉ: số nhà E, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2024) (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Duy K, sinh năm: 1988; Địa chỉ: số nhà G, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng tại tòa án – người được nguyên đơn Liên Quế N ủy quyền ông Nguyễn Văn C trình bày:

Vào ngày 16/5/2024, ông Liên Quế N có cho ông Lê Duy K vay số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), dùng vào việc mở tiệm hớt tóc, thời hạn đến ngày 15/7/2026 sẽ trả. Hai bên có thỏa thuận mỗi tháng ông K sẽ trả cho ông N số tiền là 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ

ngày 15/7/2024 đến ngày 15/7/2026. Giữa hai bên có lập hợp đồng vay tiền và được Văn phòng công chứng quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 16/5/2024. Sau đó, ngày 15/7/2024 ông K có trả cho ông N số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Nhưng đến kì hạn trả vào ngày 15/8/2024 nhưng ông K không trả tiếp số tiền còn nợ như thỏa thuận. Ông N có tìm gặp ông K để yêu cầu trả tiền nhưng ông K cố tình lẩn tránh ông N. Hiện nay ông K còn nợ ông N số tiền 143.750.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Nay ông là người đại diện theo ủy quyền của ông Liên Quế N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Duy K có nghĩa vụ trả cho ông Liên Quế N số tiền 143.750.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Duy K vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Đương sự là nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Lê Duy K được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quế N buộc ông Lê Duy K có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền 143.750.000 đồng. Ông N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Quế N về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Duy K trả tiền vay. Bị đơn ông Lê Duy K có nơi cư trú tại số nhà G, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng:

[2.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Liên Quế N là ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông C trong vụ án là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Lê Duy K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Lê Duy K theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng vay tiền đã ký giữa các bên và được Văn phòng công chứng quận T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 16/5/2024. Tại công văn số 01/CV-CAX của Công an xã M, huyện T xác nhận: *Qua khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu quốc gia hiện tại ông Lê Duy K, sinh năm 1988; có đăng ký cư trú tại địa chỉ: số nhà G ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hiện tại ông Lê Duy K, sinh năm 1988 vắng mặt địa phương 03 tháng nay không rõ lý do, không rõ nơi cư trú. Trong 03 tháng nay ông Lê Duy K không có về địa phương.* Từ khi ký kết hợp đồng vay tiền ngày 16/05/2024 cho đến khi nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án, ông K cũng không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho nguyên đơn. Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 5; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, được coi là trường hợp cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ giải quyết vụ án. Bị đơn ông Lê Duy K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông K là đúng quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng vay tài sản được xác lập giữa nguyên đơn ông Liên Quế N với bị đơn ông Lê Duy K được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Liên Quế N yêu cầu giải quyết buộc ông Lê Duy K có nghĩa vụ trả cho ông Liên Quế N số tiền 143.750.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông Lê Duy K vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tuy nhiên, qua chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024 được công chứng tại văn phòng công chứng quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “...*bên cho vay (gọi tắt là bên A): ông Liên Quế N...bên vay (gọi tắt là bên B): ông Lê Duy K...Hai bên cùng thỏa thuận là bên A đồng ý cho bên B vay số tiền là 150.000.000 đồng... Hai bên thỏa thuận việc trả tiền vay như sau: Kể từ ngày 15/7/2024 đến ngày 15/7/2026, mỗi tháng bên B trả tiền cho bên A số tiền là 6.250.000 đồng...* ”. Phía cho vay có chữ ký tên và ghi họ tên Liên Quế N, còn bên vay có chữ ký tên và ghi họ tên Lê Duy K. Theo hợp đồng, mỗi tháng ông K phải trả tiền vay cho ông N số tiền là 6.250.000 đồng, thời hạn trả từ ngày 15/7/2024 đến ngày 15/7/2026. Sau khi ký kết hợp đồng,

ông K đã nhận số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 15/7/2024 ông K đã thanh toán cho ông N số tiền 6.250.000 đồng, đến kỳ thanh toán tiếp theo là vào ngày 15/8/2024 ông K phải có nghĩa vụ trả tiếp số tiền 6.250.000 đồng cho ông N nhưng ông K không thực hiện. Ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông N yêu cầu ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại là 143.750.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Lê Duy K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Liên Quế N cung cấp trong đó có Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024 có công chứng tại văn phòng công chứng quận T, thành phố Hồ Chí Minh nhưng ông K không đến tham gia hòa giải, giải quyết vụ án để làm rõ các ý kiến của mình, ông K không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ trên, việc ông Liên Quế N yêu cầu ông Lê Duy K có nghĩa vụ trả cho ông N số tiền còn nợ 143.750.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Liên Quế N được chấp nhận, nên bị đơn ông Lê Duy K phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 143.750.000 đồng x 5% = 7.187.500 đồng (bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 70, 92, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192, Bộ luật tố tụng Dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Liên Quế N. Buộc ông Lê Duy K có nghĩa vụ trả cho ông Liên Quế N số tiền 143.750.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Duy K có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền 7.187.500 đồng (bảy triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 3.594.000 đồng (ba triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) cho ông Liên Quế N (do ông Nguyễn Văn C nộp thay) theo biên lai thu số 0003570 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên